

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN HOÀNG MINH

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ
TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG (ABC) TẠI CÔNG
TY TNHH TÂN LONG GRANITE**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng- Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: PGS.TS. Hoàng Tùng

Phản biện 2: TS. Hồ Văn Nhân

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với sự phát triển không ngừng của kế toán quản trị, việc áp dụng phương pháp kế toán truyền thống ngày càng trở nên không phù hợp và đang gặp phải một số bất cập. Phương pháp tính giá truyền thống là phương pháp mà theo đó chi phí gián tiếp được phân bổ dựa trên một tiêu thức nhất định. Trong nền sản xuất hiện đại, doanh nghiệp có thể tiến hành cung cấp nhiều loại sản phẩm và dịch vụ, sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, đồng thời với quá trình hiện đại hóa sản xuất nên máy móc thiết bị được sử dụng nhiều hơn làm cho chi phí chung chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Chính vì vậy việc sử dụng một tiêu thức phân bổ sẽ làm sai lệch đáng kể giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Vì vậy, việc áp dụng một phương pháp tính giá đảm bảo cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, phục vụ yêu cầu quản lý là vấn đề cấp thiết cho doanh nghiệp, đó là phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động (ABC- Activities Based Costing). Đây là phương pháp tính giá được sử dụng để tính chi phí chung vào các đối tượng chi phí được hợp lý hơn, phản ánh mối quan hệ nhân quả giữa đối tượng chi phí và chi phí gián tiếp. Theo phương pháp ABC, chi phí được theo dõi một cách cụ thể cho từng hoạt động gắn liền với từng loại sản phẩm, vì thế thông tin giá thành được cung cấp bởi hệ thống ABC có mức độ chính xác cao hơn. Hơn nữa, phương pháp ABC còn có thể giúp cho doanh nghiệp quản trị dựa trên hoạt động, đây là cơ sở để xác định hoạt động nào tạo ra giá trị hay không tạo ra giá trị, từ đó cải tiến quá trình, nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở các vấn đề nêu trên, tôi chọn đề tài: ***“Vận dụng phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động (ABC) tại Công ty TNHH Tân Long Granite”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Tổng hợp cơ sở lý luận về phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động. Phản ánh thực trạng công tác kế toán, quy trình sản xuất tại công ty, xác định ưu, nhược điểm và phân tích phương pháp tính giá Công ty đang áp dụng. Tổ chức vận dụng phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động vào điều kiện thực tế tại Công ty TNHH Tân Long Granite và hướng sử dụng thông tin này cho việc quản trị dựa trên hoạt động.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Vận dụng phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động vào điều kiện thực tế tại Công ty TNHH Tân Long Granite, để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tính giá.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể, đề tài sử dụng các phương pháp như: khảo sát, phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp thống kê ... để trình bày vấn đề tính giá tại Công ty. Kết quả nghiên cứu còn dựa trên cuộc phỏng vấn trực tiếp nhà quản lý, bộ phận có liên quan và minh họa số liệu thực tế lấy từ Công ty.

5. Bố cục đề tài

Luận văn gồm 03 nội dung chính:

Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về tính giá trên cơ sở hoạt động.

Chương 2. Thực trạng của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Tân Long Granite.

Chương 3. Vận dụng phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động tại Công ty TNHH Tân Long Granite.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn này, tác giả có tham khảo một số đề tài nghiên cứu trên cùng lĩnh vực liên quan. Cụ thể :

Với đề tài “Vận dụng phương pháp ABC trong các doanh nghiệp du lịch: Trường hợp của Công ty du lịch Đà Nẵng” của tác giả Trần Thị Thúy, Luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (2006).

Đề tài “Tổ chức hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm dựa trên cơ sở hoạt động tại Công ty Bao Bì Nhựa Sài Gòn” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hoàn, luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (2005)

Đề tài “ Hoàn thiện công tác tính giá thành tại Nhà máy nước khoáng thạch bích thuộc Tổng công ty cổ phần đường Quảng Ngãi” của tác giả Huỳnh Thị Thanh Dung, luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh (2010)

Hay với đề tài “Vận dụng phương pháp tính giá ABC tại Nhà máy may Hòa Thọ II – Tổng công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ” của tác giả Đào thị Thúy Hằng, Luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (2011).

Các nghiên cứu của các tác giả đã nêu lên các nội dung cơ bản về tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động và đề xuất phương hướng vận dụng phương pháp ABC vào các ngành cụ thể theo phạm vi nghiên cứu của đề tài. Còn đề tài góp phần hệ thống những nội dung cơ bản của phương pháp ABC, từ đó chỉ ra ưu, nhược điểm của phương pháp ABC với phương pháp tính giá truyền thống.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TÍNH GIÁ TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG

1.1.1. Các khái niệm liên quan

a. Khái niệm giá thành sản phẩm

b. Khái niệm phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động

c. Khái niệm hoạt động và trung tâm hoạt động

d. Khái niệm nguồn phát sinh chi phí

1.1.2. Tiến trình phát triển của phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động

1.1.3. Bản chất của phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động

1.1.4. Nội dung phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động

Cooper đề xuất mô hình ABC hai giai đoạn (Cooper, 1987a; Cooper, 1987b). Trong giai đoạn đầu, chi phí được tính vào các hoạt động theo từng trung tâm hoạt động, dựa trên tiêu thức phân bổ chi phí. Trong các phương pháp tính chi phí truyền thống không có bước công việc tương tự như vậy. Ở giai đoạn hai, chi phí được phân bổ từ các hoạt động đến từng sản phẩm dựa vào mức độ sử dụng các hoạt động đối với các sản phẩm đó.

Trong mô hình ABC, nhóm các chi phí chung ví dụ như chi phí hành chính, chi phí thuê mướn, chi phí vận chuyển và chi phí bảo hiểm phải được xác định. Những thông tin chi phí này có thể có được dễ dàng từ bộ phận kế toán. Bước kế tiếp là xác định những hoạt động chính mà có thể dễ dàng theo dõi được thông tin về chi phí. Việc này có thể thực hiện được bằng cách nhóm những hành động có liên quan thành các hoạt động và nhóm các hoạt động thành trung tâm hoạt động theo cách tiếp cận ABC. Sang giai đoạn hai, những tiêu thức phân bổ chi phí cho các hoạt động được xác định để phân bổ chi phí chung đến từng sản phẩm.

Để thực hiện được ABC, thì toàn bộ quá trình kinh doanh phải được chia ra làm nhiều nhóm các hoạt động, những quy trình đồng

nhất phải được nhóm lại với nhau. Hay nói cách khác, những hoạt động tác động lên sản phẩm và những hoạt động lên khách hàng phải được tách ra để lập nên hai nhóm hoạt động riêng rẽ và đồng nhất.

Một khi những hoạt động chính đã được xác định, thì tổng chi phí từng hoạt động cần phải được tính toán. Trước tiên, nhóm chi phí liên quan đến từng hoạt động phải được ghi nhận.

Trong giai đoạn hai, các hoạt động được tính cho các sản phẩm bằng việc sử dụng tiêu thức phân bổ chi phí giai đoạn hai. Cũng như tiêu thức phân bổ giai đoạn một, thông tin cần thiết cho tiêu thức phân bổ chi phí giai đoạn hai có thể không dễ dàng có sẵn để thể hiện các tỷ lệ tương ứng cho từng loại sản phẩm.

Thu thập thông tin là một công việc rất cần thiết để có thể đạt được sự chính xác của các chi phí sản phẩm cuối cùng. Một phần quan trọng của dữ liệu yêu cầu là những tỷ lệ cần thiết trong mỗi giai đoạn của một hệ thống ABC. Mỗi hoạt động sử dụng một phần của từng nhóm chi phí. Tương tự, mỗi sản phẩm sẽ sử dụng đến một phần của mỗi hoạt động. Narcyz Rozocki (1999) đã đưa ra 3 phương pháp có mức độ chính xác về dữ liệu có thể được sử dụng trong việc ước lượng tỷ lệ sử dụng của từng hoạt động hoặc từng sản phẩm, những tỷ lệ này theo thứ tự là ước đoán, đánh giá hệ thống và thu thập dữ liệu thực tế.

1.2. ƯU, NHƯỢC ĐIỂM, ĐIỀU KIỆN VẬN DỤNG VÀ SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP ABC VỚI PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THỐNG

1.2.1. Ưu và nhược điểm

a. Ưu điểm

Để có một cái nhìn toàn diện hơn về phương pháp ABC phải xét đến những ưu điểm của phương pháp ABC:

- Khả năng quản lý chi phí của phương pháp ABC được đánh giá là tốt hơn so với phương pháp TCA.

- Phương pháp ABC tập trung đa chiều vào chi phí, điều này có thể thấy rõ ràng ở chi phí chung. Hầu hết hệ thống ABC cung cấp một báo cáo toàn diện, dễ hiểu về những cấu trúc chi phí, mà hệ thống TCA không thể cung cấp được.

- Quản lý các hoạt động sẽ dẫn đến việc tái cấu trúc lại chuỗi giá trị với chi phí thấp nhất.

- Khả năng sinh lợi từ khách hàng được xem là một sự mở rộng hợp lý của phương pháp ABC, thông qua việc cung cấp những triển vọng khác nhau về lợi nhuận khi mà lợi nhuận thực sự mang lại từ khách hàng chứ không phải từ sản phẩm.

- Sự vận dụng hệ thống ABC yêu cầu cần phải có một sự hiểu biết thấu đáo về cấu trúc chi phí của một tổ chức, mà thiết lập mô hình chi phí (cost modelling) và chi phí mục tiêu (target costing) có thể thực hiện mà không có một yếu tố bất thường nào xảy ra.

- Một số quy trình quản lý như: quản lý chất lượng, quản lý thời gian và quản lý năng lực sản xuất được thực hiện một cách dễ dàng hơn bởi một hệ thống ABC.

- Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có thể chuyển đổi từ quản lý theo chức năng sang quản lý theo quy trình, mà sẽ phản ánh tốt hơn về chức năng thực sự của tổ chức.

- Cơ sở phân bổ (cost driver) dựa trên những thủ tục rất chi tiết và hợp lý nên đảm bảo mức độ tin cậy rất cao vào chi phí.

- Thuận lợi quan trọng nhất của hệ thống ABC là sự hấp dẫn của nó với hệ thống xác định chi phí tiến bộ, phản ánh một cách riêng biệt, duy nhất và tính logic của các quy trình sản xuất kinh doanh. Nhiều hệ

thống ABC không được khai thác bởi kế toán mà do bởi những kỹ sư, nhân viên marketing, người quản lý hàng tồn kho ...

- Đối với những nhà máy sản xuất sản phẩm với sản lượng biến động, phương pháp ABC sẽ tính được sự khác biệt về chi phí đối với các dây chuyền sản xuất khác nhau trong 02 trường hợp sản lượng thấp và sản lượng cao, trong khi đó phương pháp TCA sẽ cào bằng chi phí trong trường hợp này.

b. Nhược điểm

Những nhược điểm chính của phương pháp ABC:

- Hệ thống ABC chắc chắn là phức tạp hơn nhiều so với phương pháp truyền thống. Để có thể cung cấp chi tiết về cấu trúc chi phí đòi hỏi một khối lượng công việc phân tích rất lớn được thực hiện. Kế hoạch phải được thiết lập một cách kỹ lưỡng và chu đáo, quy trình quản lý chi phí tỉ mỉ hơn sẽ gia tăng yếu tố đầu vào (tăng chi phí).

- Một hệ thống kế toán phức tạp hơn rất nhiều được triển khai trong khi tổ chức không có đủ nhân sự hoặc chuyên gia để quản lý, điều này dễ dàng dẫn đến sự thiếu tin tưởng vào hệ thống do bởi các thông tin thiếu tin cậy.

Tóm lại, việc tập hợp chi phí có ý nghĩa thiết thực trong việc đánh giá đúng thực tế sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp cũng như đưa ra các quyết định đầu tư và giá bán hợp lý. Trong khi, các phương pháp truyền thống phân bổ chi phí dựa trên tiêu thức đơn và ít thể hiện được mối quan hệ nhân quả thì phương pháp ABC dựa trên hệ thống các tiêu thức phức hợp phản ánh rõ ràng mối liên hệ nhân quả giữa đối tượng muốn tính chi phí và chi phí gián tiếp. Việc lựa chọn phương pháp nào còn tùy thuộc vào hệ thống tập hợp chi phí ở mỗi doanh nghiệp mà thực chất là từ yêu cầu quản lý của các

nhà quản trị ở mỗi doanh nghiệp.

1.2.2. Điều kiện vận dụng của phương pháp tính giá ABC

1.2.3. So sánh phương pháp ABC và phương pháp truyền thống (Traditional Costing Accounting - TCA)

a. Điểm giống nhau

b. Điểm khác nhau

1.3. PHƯƠNG PHÁP ABC VỚI VIỆC QUẢN TRỊ DỰA TRÊN HOẠT ĐỘNG (ABM - Activity Based Management)

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, Luận văn đi sâu nghiên cứu phương pháp ABC - một trong những phương pháp phân bổ chi phí của kế toán quản trị hiện đại, cho thấy sự khác biệt cơ bản giữa phương pháp phân bổ chi phí theo cách truyền thống và phương pháp ABC, đồng thời nêu lên được những ưu và nhược điểm trong việc vận dụng phương pháp ABC ở mỗi doanh nghiệp. Việc tập hợp chi phí các nguồn lực vào các hoạt động cùng với việc vận dụng nhiều tiêu thức phân bổ khác nhau dựa trên mối quan hệ giữa hoạt động và đối tượng chịu chi phí thì phương pháp ABC mang lại nhiều tiện ích hơn và đem lại thông tin đáng tin cậy hơn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CỦA KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TÂN LONG GRANITE

2.1. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH VỀ CÔNG TY

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Tân Long Granite được thành lập trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3502000012 ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Bình Định cấp; thay đổi lần

thứ 7 năm 2009 với số vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, mua bán và chế biến đá Granite ... Nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, Công ty đã khai thác và sản xuất các sản phẩm cao cấp từ đá ốp lát, đá thủ công mỹ nghệ ... sản phẩm tiêu biểu của Công ty là đá ốp lát trang trí. Đây là loại vật liệu cao cấp có giá trị kinh tế cao hơn so với các loại vật liệu khác như gạch men, đá rửa ... Đá ốp lát bền đẹp và chịu được phong hóa tốt, màu sắc đa dạng nhiều chủng loại.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

a. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

b. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

c. Hình thức kế toán tại Công ty đang áp dụng

2.1.3. Đặc điểm quy trình sản xuất đá Granite

Tổ chức quy trình sản xuất đá ốp lát bao gồm các công đoạn sau:

+ Cưa xẻ thành tấm

Sau khi vận chuyển các khối đá được khai thác từ mỏ về hoặc khối đá mua nhập kho, giai đoạn đầu tiên là kiểm tra để phát hiện các hư hỏng do khuyết tật về màu sắc, nứt mẻ. Đo đạc kích thước và chọn chiều cưa thích hợp để sản phẩm thu được đạt kết quả cao nhất. Các khối đá này sẽ được đưa vào cưa dàn (Gangsaw) hoặc cưa đĩa bỏ thành từng tấm với kích thước đã chọn. Việc xẻ tấm được tiến hành tuần tự, từng đợt, từng tấm, từng lớp, từ trên xuống.

+ Xử lý bề mặt

Khi cưa xong từng tấm đá sẽ được cầu xuống và được công nhân tách rời thành từng tấm. Tấm đá sẽ được kiểm tra độ phẳng, độ dày. Các tấm đạt yêu cầu sẽ được nâng qua cầu pa lăng đưa qua bộ

phần xử lý bề mặt. Bộ phận này gồm các công đoạn: đánh bóng bề mặt, đốt, băm, phun cát.

+ Cắt quy cách

Sử dụng máy cắt quy cách còn gọi là máy cắt cầu. Quy cách của sản phẩm tùy vào công trình xây dựng mà bộ phận kỹ thuật triển khai cho công nhân cắt.

+ Đóng kiện – nhập kho và xuất bán

Đóng gói được thực hiện bởi một tổ đóng kiện, kiện của đá được sử dụng là thùng gỗ thưa, hoặc pallet. Khi đưa sản phẩm vào thùng, để đảm bảo an toàn và bảo vệ sản phẩm không bị cọ xát gây trầy xước trong quá trình vận chuyển thì giữa các tấm đá có chèn lót giấy carton, nhựa hoặc xốp.

+ Mỗi công đoạn đều có nhân viên KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa qua công đoạn tiếp theo. Việc này loại bỏ được khuyết tật ban đầu của sản phẩm tránh các chi phí không cần thiết phát sinh cho công đoạn sau đối với sản phẩm bị hỏng.

2.2. ĐẶC ĐIỂM CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY

2.2.1. Chi phí sản xuất

Quy trình sản xuất đá granite là một quy trình khép kín, nhiều công đoạn theo dây chuyền, nếu thiếu một trong số các khâu, dây chuyền thì sản phẩm sẽ không hoàn chỉnh, không tiêu thụ được. Do đó, đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quá trình sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm đá granite hoàn chỉnh.

a. Tập hợp chi phí sản xuất

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Kế toán chi phí nguyên vật liệu được hạch toán theo từng đối tượng chịu chi phí.

- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tất cả các khoản chi phí phát sinh liên quan đến bộ phận lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí theo quy định.

Chi phí sản xuất chung

Phụ lục 2.1: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung

Tháng 12 năm 2011

Nội dung chi phí	Số tiền (Đvt: 1.000đồng)	Ghi chú
1. Chi phí nhân viên phân xưởng	128.367	
2. Chi phí vật liệu phụ	384.887	
3. Chi phí dụng cụ sản xuất	35.750	
4. Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.574	
5. Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.450	
6. Chi phí bằng tiền khác	98.957	
Tổng cộng	1.109.985	

b. Phương pháp phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung (TK 627) được tập hợp chi tiết theo khoản mục chi phí và được phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu chính.

Phụ lục 2.2 Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đá khối	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	Tỷ lệ phân bổ	Chi phí sản xuất chung phân bổ (1.000đ)
1	Ruby 40x60	m ³	320	2.608.000	0,6053	671.835
2	Vàng 60x80	m ³	112	386.400	0,0897	99.539
3	Tím bầm	m ³	245	553.210	0,1284	142.510
4	Đen 40x60	m ³	175	761.250	0,1767	196.102
	Tổng cộng			4.308.860	1	1.109.985

(Nguồn Công ty TNHH Tân Long Granite)

2.2.2. Tính giá thành sản phẩm tại Công ty

Trong từng giai đoạn công nghệ kế toán chỉ thực hiện việc tập hợp chi phí và sau đó tiến hành kết chuyển về bộ phận tổng hợp để tính giá thành sản phẩm hoàn chỉnh. Giá thành sản phẩm là kết quả quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và phân bổ chi phí sản xuất chung đến từng loại sản phẩm.

Phụ lục 2.3: Bảng tính giá thành sản phẩm

Tháng 12 năm 2011

ĐVT: 1000 đồng

T	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí sản xuất chung phân bổ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị/m ²
1	Ruby 40x60	m ²	8.000	2.608.000	176.000	671.835	3.455.835	432
2	Vàng 60x80	m ²	2.800	386.400	61.600	99.539	547.539	196
3	Tím băm	m ²	4.655	553.210	88.445	142.510	784.165	168
4	Đen 40x60	m ²	3.320	761.250	63.080	196.102	1.020.432	307
Tổng cộng			18.775	4.308.860	389.125	1.109.985	5.807.970	

(Nguồn Công ty TNHH Tân Long Granite)

2.2.3. Đánh giá thực trạng hạch toán và phương pháp tính giá tại Công ty

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này, Luận văn đi sâu vào quy trình sản xuất đá granite, công tác tổ chức kế toán, tính giá thành sản phẩm tại Công ty và nêu lên những vấn đề bất cập trong việc tính giá thành dẫn đến cung cấp một số thông tin cho nhà quản trị không chính xác.

Từ đó, hướng doanh nghiệp đến phương pháp tính giá thành mới, hiện đại đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót khi sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp truyền thống.

CHƯƠNG 3

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH TÂN LONG GRANITE

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH TÂN LONG GRANITE

3.1.1. Sự cần thiết của việc vận dụng phương pháp ABC tại Công ty

3.1.2. Điều kiện áp dụng

3.1.3. Tổ chức kế toán phục vụ công tác tính giá trên cơ sở hoạt động tại công ty

3.2. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG VÀO CÔNG TY TNHH TÂN LONG GRANITE

3.2.1. Xác định đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành tại Công ty

Công ty TNHH Tân Long Granite sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực chế biến, sản xuất đá granite dùng để trang trí các công trình, vì thế đối tượng hạch toán của chi phí trực tiếp là từng loại sản phẩm, còn đối tượng hạch toán chi phí gián tiếp sẽ là các trung tâm hoạt động. Đối tượng tính giá là từng loại sản phẩm.

3.2.2. Xác định các hoạt động

Qua phân tích, thu thập số liệu, các hoạt động này bao gồm: Hoạt động cưa (cưa đĩa và gangsaw), hoạt động xử lý bề mặt, hoạt

động cắt quy cách, hoạt động KCS, hoạt động hoàn thành.

3.2.3. Xác định các nguồn lực sử dụng

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí khấu hao tài sản cố định

Phụ lục 3.1. Bảng phân bổ chi phí khấu hao theo hoạt động

Tháng 12 năm 2011

ĐVT: 1000 đồng

Hoạt động Chi phí	Chia ra các hoạt động							Khấu hao tháng 12
	Cưa	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất	
1. TSCĐ phục vụ cửa								147.219
Máy cửa đĩa	72.219							72.219
Máy cửa giàn (Gangsaw)	62.500							62.500
Cầu trời	12.500							12.500
2. TSCĐ phục vụ xử lý bề mặt								61.400
Máy đánh bóng		61.400						61.400
3. TSCĐ dùng cắt quy cách								26.570
Máy cắt QC			26.570					26.570
4. TSCĐ phục vụ chung	31.200	17.800	12.000	2.270	4.500	2.265	2.350	72.385
Tổng cộng	178.419	79.200	38.570	2.270	4.500	2.265	2.350	307.574

(Nguồn Công ty TNHH Tân Long Granite)

- Chi phí công cụ dụng cụ

Phụ lục 3.2. Bảng chi phí nhân viên theo hoạt động

Tháng 12 năm 2011

Đvt: 1.000 đồng

Hoạt động	Chi phí nhân viên	Ghi chú
KCS	19.255	15%
Hoàn thành	59.048	46%
Sửa chữa bảo trì máy	11.553	9%
Hỗ trợ sản xuất	38.511	30%
Tổng cộng	128.367	

Dựa trên kết quả trên, ma trận chi phí – hoạt động gọi tắt là EAD (Expense – Activity – Dependence) được thiết lập. Trong ma trận này, nếu hoạt động (i) tiêu dùng chi phí (j) thì dấu (X) sẽ đánh vào ô (i,j) như sau:

Phụ lục 3.3. Bảng ma trận EAD

Hoạt động Chi phí	Chia ra các hoạt động						
	Cura	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất
Nhân viên				X	X	X	X
Vật liệu phụ	X	X	X				
Dụng cụ sản xuất	X	X	X	X	X	X	X
Khấu hao TSCĐ	X	X	X	X	X	X	X
Chi phí dịch vụ mua ngoài	X	X	X	X	X	X	X
Chi phí bằng tiền khác					X	X	X

Phụ lục 3.4. Bảng hệ số tỷ lệ ma trận EAD

Hoạt động Chi phí	Chia ra các hoạt động							Tổng cộng
	Cưa	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất	
Nhân viên				15%	46%	9%	30%	100%
Vật liệu phụ	50%	30%	20%					100%
Dụng cụ sản xuất	17%	13%	19%	11%	17%	9%	14%	100%
Khấu hao TSCĐ	58%	25,74%	12,56%	0,74%	1,46%	0,74%	0,76%	100%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9%	15%	9%	5%	33%	14%	15%	100%
Chi phí bằng tiền khác	5%	5%	5%	5%	45%	15%	20%	100%

(Nguồn Công ty TNHH Tân Long Granite)

Để tính được giá trị bằng tiền của từng hoạt động đối với từng nhóm chi phí, tác giả áp dụng công thức sau:

$$TCA (i) = \sum \text{Chi phí (j)} \times EAD (i,j)$$

Trong đó các chỉ tiêu:

TCA (i): Tổng chi phí của hoạt động i

Chi phí (j): Giá trị bằng tiền của nhóm chi phí j

EAD(i,j): Hệ số tỉ lệ ở ô (i, j) của ma trận EAD

Áp dụng công thức trên có số liệu bảng ma trận chi phí – hoạt động như sau:

Phụ lục 3.5. Bảng ma trận bảng tiền EAD

Hoạt động Chi phí	Chia ra các hoạt động							Tổng cộng
	Cưa	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất	
Nhân viên				19.255	59.049	11.553	38.510	128.367
Vật liệu phụ	192.444	115.466	76.977					384.887
Dụng cụ sản xuất	6.078	4.648	6.793	3.933	6.078	3.218	5.005	35.750
Khấu hao TSCĐ	178.393	79.170	38.631	2.276	4.491	2.276	2.338	307.574
Chi phí địch vụ mua ngoài	13.901	23.168	13.901	7.723	50.969	21.623	23.168	154.450
Chi phí bằng tiền khác	4.948	4.948	4.948	4.948	44.531	14.844	19.791	98.957
Tổng chi phí	395.762	227.398	141.250	38.134	165.116	53.513	88.812	1.109.985

3.2.4. Lựa chọn nguồn phát sinh chi phí

Phụ lục 3.6. Bảng xác định nguồn phát sinh chi phí các hoạt động

Hoạt động	Nguồn phát sinh chi phí
Cưa	Giờ công lao động
Xử lý bề mặt	Giờ công lao động
Cắt quy cách	Giờ công lao động
KCS	Số lượng sản phẩm
Hoàn thành	Số lượng sản phẩm
Sửa chữa, bảo trì máy	Phân bổ cho các sản phẩm
Hỗ trợ sản xuất	Doanh thu

Để xác định các số liệu liên quan đến nguồn phát sinh chi phí của các sản phẩm đối với từng hoạt động. Các số liệu được lấy từ các nguồn sau:

Số lượng sản phẩm: Bảng tổng hợp giá thành.

Số giờ công lao động: Bảng chấm công.

Số lượng sản phẩm sửa chữa: Phiếu báo cáo chất lượng sản phẩm.

Doanh thu: Báo cáo doanh thu và chi phí.

3.2.5. Xác định chi phí hoạt động cho từng sản phẩm

Sau khi chi phí của từng hoạt động được xác định, chi phí từ các hoạt động được kết chuyển hay phân bổ cho từng sản phẩm thể hiện qua ma trận Hoạt động – Sản phẩm. Trong ma trận này, nếu sản phẩm (i) tiêu dùng hoạt động (j) thì dấu (X) sẽ được đánh vào ô (i,j) như sau:

Phụ lục 3.7. Bảng ma trận APD

Hoạt động Sản phẩm	Chia ra các hoạt động						
	Cưa	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất
Ruby 40x60	X	X	X	X	X	X	X
Vàng 60x80	X	X	X	X	X	X	X
Tím băm	X	X	X	X	X	X	X
Đen 40x60	X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 3.8. Bảng hệ số tỷ lệ của ma trận APD

Hoạt động Sản phẩm	Chia ra các hoạt động						
	Cưa	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất
Ruby 40x60	33%	30%	25%	25%	25%	30%	25%
Vàng 60x80	28%	27%	25%	25%	25%	30%	25%
Tím bẫm	16%	16%	25%	25%	25%	20%	25%
Đen 40x60	23%	27%	25%	25%	25%	20%	25%
Tổng nguồn phát sinh chi phí	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Để tính được giá trị bằng tiền của từng sản phẩm, tác giả áp dụng công thức sau:

$$OCP(i) = \sum TCA(j) \times APD(i,j)$$

Trong đó:

OCP (i): Chi phí chung của sản phẩm i

TCA (j): Giá trị bằng tiền của hoạt động j

APD (i,j): tỷ lệ ở ô ij của ma trận EAD

Áp dụng công thức trên ta có số liệu Bảng phân phối chi phí sản xuất chung đến từng sản phẩm như sau:

Phụ lục 3.9. Bảng giá trị bằng tiền ma trận APD

Hoạt động Sản phẩm	Chia ra các hoạt động							Tổng cộng
	Cưa	Xử lý bề mặt	Cắt quy cách	KCS	Hoàn thành	Sửa chữa, bảo trì máy	Hỗ trợ sản xuất	
Ruby 40x60	130.602	68.220	35.312	9.533	41.279	16.054	22.203	323.203
Vàng 60x80	110.813	61.398	35.312	9.533	41.279	16.054	22.203	296.593
Tím bẫm	63.322	36.384	35.312	9.533	41.279	10.703	22.203	218.736
Đen 40x60	91.025	61.398	35.312	9.533	41.279	10.703	22.203	271.453
Tổng chi phí của hoạt động	395.762	227.398	141.250	38.134	165.116	53.513	88.812	1.109.985

3.2.6. Tính giá thành sản phẩm

Sau khi chi phí trực tiếp và gián tiếp của từng loại sản phẩm được xác định, có thể lập bảng tính giá thành. Với số liệu tháng 12/2011, giá thành từng loại sản phẩm theo phương pháp tính giá ABC được xác định như sau:

Phụ lục 3.10. Bảng tính giá thành sản phẩm theo phương pháp ABC

Chi phí	Ruby 40x60	Vàng 60x80	Tím bẫm	Đen 40x60	Cộng
1. Nguyên vật liệu trực tiếp	2.608.000	386.400	553.210	761.250	4.308.860
2. Nhân công trực tiếp	176.000	61.600	88.445	63.080	389.125
3. Chi phí sản xuất chung	323.203	296.593	218.736	271.453	1.109.985

Trong đó					0
<i>Hoạt động cơ</i>	130.602	110.813	63.322	91.025	395.762
<i>Hoạt động xử lý bề mặt</i>	68.220	61.398	36.384	61.398	227.398
<i>Hoạt động cắt quy cách</i>	35.312	35.312	35.312	35.312	141.250
<i>Hoạt động KCS</i>	9.533	9.533	9.533	9.533	38.134
<i>Hoạt động hoàn thành</i>	41.279	41.279	41.279	41.279	165.116
<i>Hoạt động sửa chữa, bảo trì máy</i>	16.054	16.054	10.703	10.703	53.513
<i>Hoạt động hỗ trợ sản xuất</i>	22.203	22.203	22.203	22.203	88.812
Tổng giá thành	3.107.203	744.593	860.391	1.095.783	5.807.970

3.2.7. So sánh giá thành theo phương pháp ABC và phương pháp hiện tại Công ty đang áp dụng

Phụ lục 3.11. Bảng so sánh giá thành theo phương pháp ABC và phương pháp công ty đang áp dụng

Đvt: 1.000đồng

Sản phẩm	Tổng giá		Giá thành đơn vị		
	Công ty	ABC	Công ty	ABC	Chênh
Ruby 40x60	3.455.835	3.107.203	431,979	388,400	-43,579
Vàng 60x80	547.539	744.593	195,549	265,926	+70,377
Tím bằm	784.165	860.391	168,456	184,831	+16,375
Đen 40x60	1.020.432	1.095.783	307,359	330,055	+22,696
Tổng cộng	5.807.970	5.807.970			

Kết quả so sánh trên cho thấy giá thành các sản phẩm giữa 02 phương pháp là khác nhau, như đá ruby 40x60 tính theo phương

pháp ABC giá thấp hơn nhiều so với phương pháp công ty đang áp dụng và các sản phẩm còn lại tính theo phương pháp ABC cao hơn là do chi phí nguyên vật liệu của đá đỏ Ruby cao hơn nhiều mà công ty áp dụng phân bổ chi phí sản xuất chung theo Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nên chi phí chung tính cho đá đỏ ruby cao hơn các loại đá còn lại. Điều đó có nghĩa là việc áp dụng phương pháp tính giá truyền thống phải gánh chịu hơn nhiều so với phương pháp ABC. Với sự sai lệch về giá thành ảnh hưởng đến tính chính xác về giá thành các sản phẩm khác.

Tóm lại, việc áp dụng phương pháp tính giá dựa trên cơ sở hoạt động sẽ cung cấp được thông tin về giá thành một cách chính xác nhất đối với từng sản phẩm, từ đó xác định hiệu quả kinh doanh đúng đắn và chính xác nhất của từng sản phẩm, từ đó giúp nhà quản lý có những quyết định đúng đắn và hợp lý hơn.

3.3. THỰC HIỆN QUẢN TRỊ TRÊN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG KHI VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ ABC

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, tác giả đã nêu lên các điều kiện làm cơ sở áp dụng phương pháp tính giá ABC cho Công ty. Toàn bộ quá trình sản xuất của Công ty được tác giả phân chia chi tiết theo từng hoạt động, chi phí sản xuất được tập hợp và phân bổ chi tiết cho từng hoạt động. Giá thành sản phẩm của từng sản phẩm được tính toán lại theo phương pháp tính giá ABC một cách chi tiết hơn.

Trên cơ sở giá thành tính được, tác giả so sánh giá thành theo phương pháp tính giá ABC với giá thành theo phương pháp hiện tại Công ty đang áp dụng từ đó đưa ra các nhận xét, kiến nghị và kết luận.

KẾT LUẬN

Trong luận văn này, tôi đã mạnh dạn đưa ra phương pháp tính giá thành sản phẩm trên cơ sở hoạt động, phương pháp này có rất nhiều ưu điểm hơn so với phương pháp truyền thống tuy nhiên việc áp dụng ở nước ta còn rất hạn chế. Trong luận văn này có một số điểm mới:

- Nêu ra được các mặt tồn tại của việc tổ chức chi phí và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp truyền thống.

- Vận dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm trên cơ sở hoạt động tạo ra được những thay đổi về bản chất của từng loại sản phẩm, giúp nhà quản lý đánh giá được trách nhiệm từng bộ phận, xác định hoạt động tạo ra giá trị và hoạt động không tạo ra giá trị để có những chính sách đúng đắn hơn.

Mặc dù bản thân có rất nhiều cố gắng, nghiên cứu, học hỏi cũng như nghiên cứu trong thực tế tuy nhiên đây là lĩnh vực mới, mức độ phức tạp tương đối cao nên luận văn cũng không sao tránh khỏi những thiếu sót, những nhận định chưa thật sự làm nổi bật phương pháp tính giá thành sản phẩm trên cơ sở hoạt động. Kính mong nhận được sự thông cảm sâu sắc, sự giúp đỡ chỉ bảo tận tình của GS.TS Trương Bá Thanh và quý thầy cô, cùng toàn thể các anh chị đồng nghiệp quan tâm giúp đỡ, đóng góp ý kiến để Luận văn tốt nghiệp được hoàn thiện hơn và có tính thực tiễn áp dụng.